CTCP COMA 18 (HSX: CIG)

Ngày 31/12/2024	8,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.2%	52.3%	62.0%

ROE (2024): 34.4% | +/- YoY ▲ 39.0%

	Q4/24	QoQ
DT thuần	28.4 tỷ VNĐ	▲ 17.9 ▲ 171%
LN gộp	8.58 tỷ VNĐ	▲ 6.37 ▲ 288%
LN thuần	5.65 tỷ VNĐ	▲ 5.50 ▲ 3664%
LN sau thuế	61.0 tỷ VNĐ	▲ 59.8 ▲ 5068%

	2024	YoY
DT thuần	94.4 tỷ VNĐ	▲ 28.3 ▲ 42.8%
LN gộp	27.4 tỷ VNĐ	▲ 6.30 ▲ 29.9%
LN thuần	11.3 tỷ VNĐ	▲ 12.3 ▲ 1195%
LN sau thuế	63.4 tỷ VNĐ	▲ 70.6 ▲ 979%

Kết quả kinh doanh

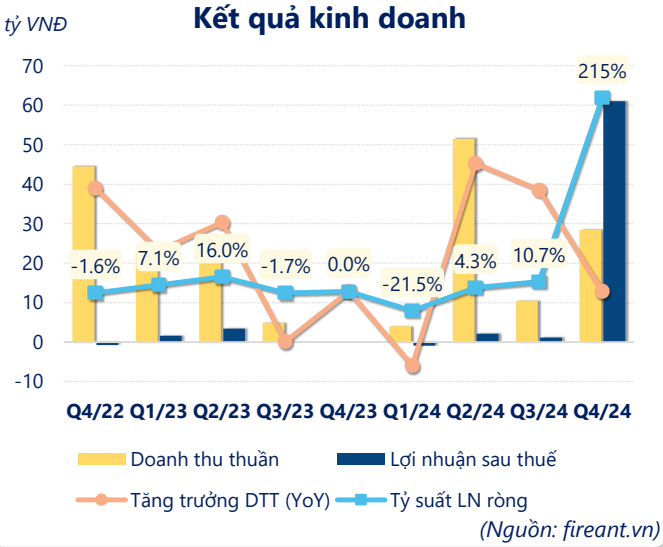

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

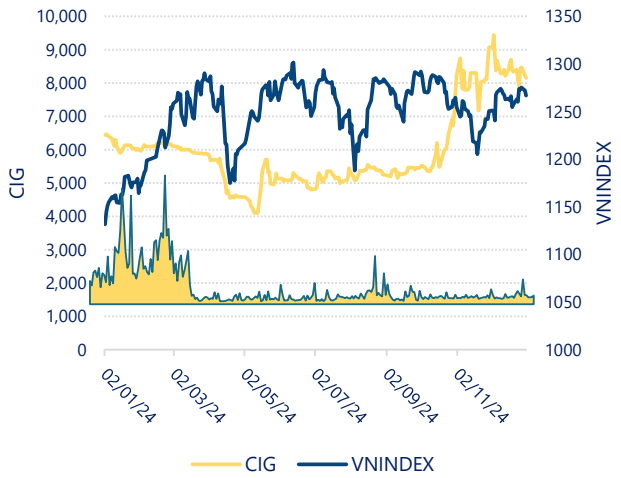

Powered by Infographic
https://fireant.vn/

CTCP COMA 18 (HSX: CIG)

FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận

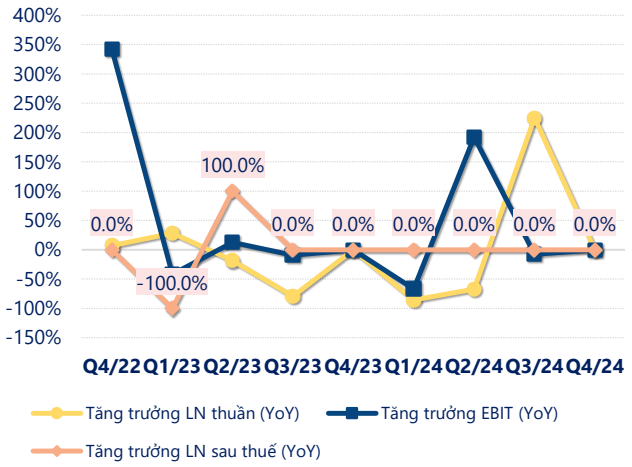

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

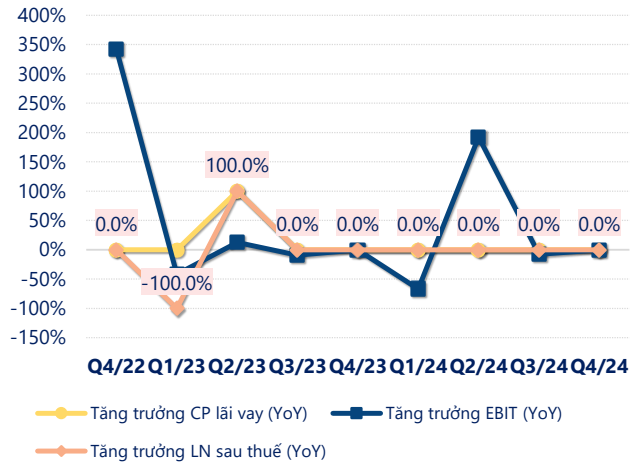

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

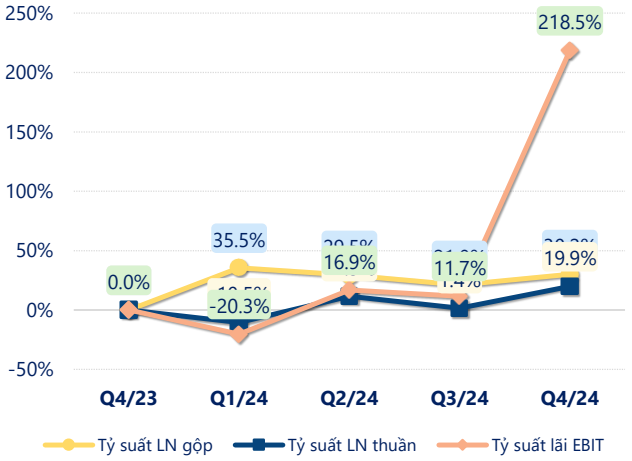

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

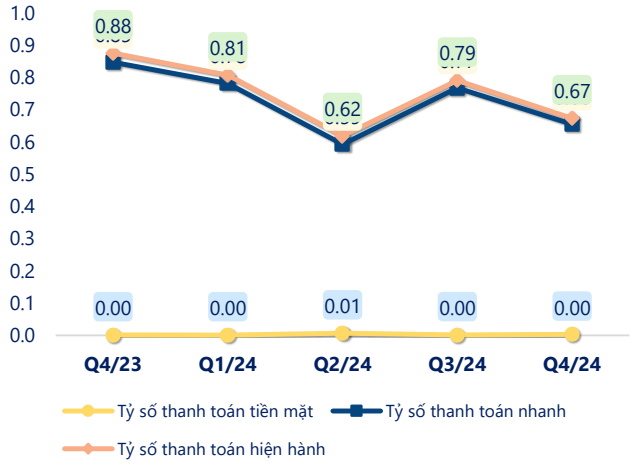

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

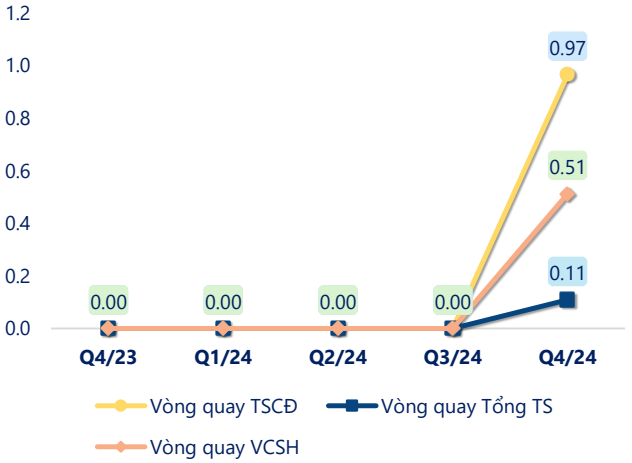

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

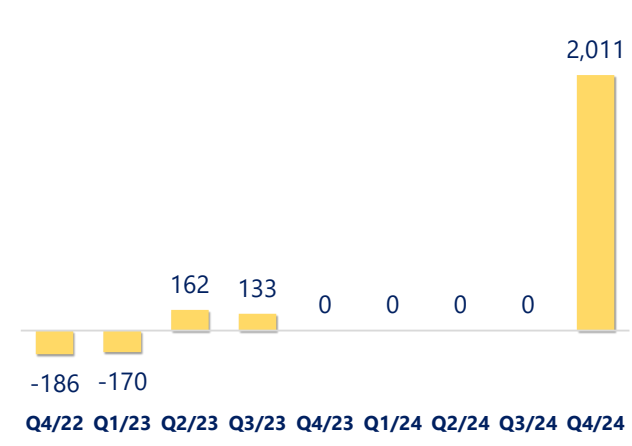

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP COMA 18 (HSX: CIG)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**28.4**			**94.4**	**66.1**	**42.8%**
Giá vốn hàng bán	19.8			67.0	45.0	48.8%
Lợi nhuận gộp	8.58			27.4	21.1	29.9%
Doanh thu HĐTC	0.00			0.01	0.00	2013%
Chi phí TC	1.11			7.78	3.32	134%
Chi phí lãi vay	1.11			7.77	3.32	134%
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.02			0.29	0	
Chi phí QLDN	**1.81**			**8.02**	**18.8**	**-57.3%**
LN thuần từ HĐKD	5.65			11.3	-1.03	1195%
Lợi nhuận khác	**55.3**			**52.1**	**-6.17**	**944%**
LN trước thuế	61.0			63.4	-7.21	980%
Lợi nhuận sau thuế	**61.0**			**63.4**	**-7.21**	**979%**
LNST của CĐ cty mẹ	**61.0**			**63.4**	**-7.20**	**981%**

(Nguồn: fireant.vn)

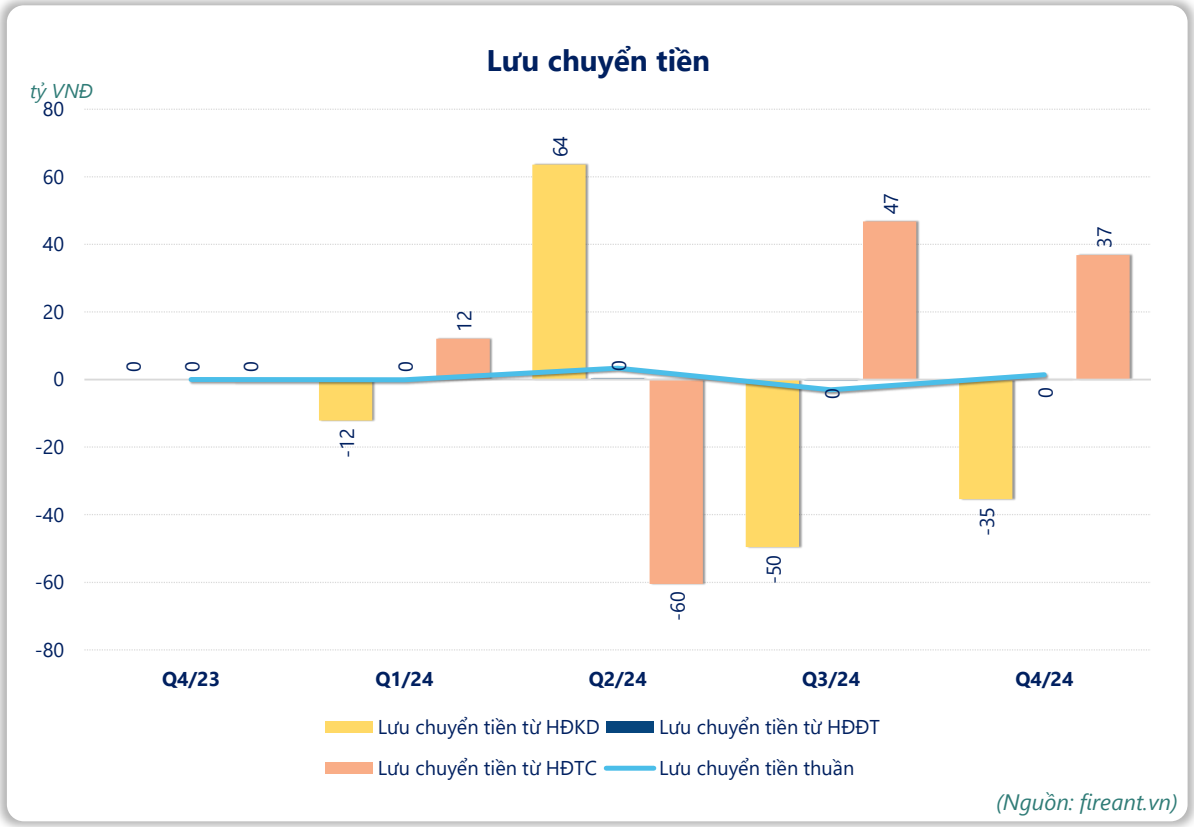

(Nguồn: fireant.vn)